

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2021/DS - ST**

Ngày: 30 – 12 – 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Phú

2. Ông Ngô Hoàng Sĩ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST - DS ngày 10 tháng 8 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 T, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang N – Chuyên viên tổ khách hàng – Phòng giao dịch B – Chi nhánh B; (Theo văn bản ủy quyền số: 73/2021/QĐ – LPB.BD ngày 20/5/2021)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vinh H, sinh năm: 1958; địa chỉ cư trú: Đường D2, tổ 16, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Ông N có mặt, ông H vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần B (gọi tắt là Ngân hàng) – do ông Nguyễn Quang N đại diện trình bày:*

Ngày 18/06/2020, giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Vinh H có ký kết “Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng thế chấp tài sản kèm Khế ước nhận nợ” số

HD011806200228C. Theo đó, ông H vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng (Bằng chữ: *Một trăm năm mươi triệu đồng*); Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay : 60 tháng; Gốc trả định kỳ ngày 16 hàng tháng; 60 kỳ tương ứng với 60 tháng; từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 60 mỗi kỳ trả 2.500.000đ. Lãi trả cùng kỳ trả nợ gốc, tính trên dư nợ ban đầu.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán, ông H cam kết dùng thu nhập phát sinh từ lương hưu, trợ cấp do Bảo hiểm xã hội chi trả để trừ vào tiền gốc, lãi hàng tháng mà ông phải thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, ông đã mở tài khoản tại Ngân hàng để chuyển lương, mục đích để Ngân hàng khấu trừ nợ hàng tháng theo thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Vinh H đã chuyển hình thức nhận lương qua Ngân hàng khác mà không thông báo hoặc được sự chấp thuận của Ngân hàng B, cũng không thanh toán nợ theo hình thức nào khác, từ đó để xảy ra nợ quá hạn từ ngày 16/12/2020. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo về khoản nợ quá hạn nhưng ông Nguyễn Vinh H vẫn cố tình không hợp tác thanh toán cho Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả số tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 20/4/2021 là 89.251 đồng. Ngày 30/11/2021, Ngân hàng có đơn rút đổi với yêu cầu phạt chậm lãi.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Vinh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 153.455.788 đồng, gồm nợ gốc là 137.499.968đ, lãi 13.803.325đ, lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.152.495đ. Đồng thời buộc ông H phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

**Bị đơn ông Nguyễn Vinh H trong toàn bộ quá trình tố tụng vắng mặt, không cung cấp ý kiến cũng như tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn.**

Theo biên bản xác minh các ngày 16/9/2021 và 23/11/2021, được xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của ông H, xác định: Ông Nguyễn Vinh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, tuy nhiên từ khoảng 01 năm trở lại đây, ông H không còn sinh sống tại địa phương nữa. Hiện ông H cư trú tại đâu địa phương không biết.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Bị đơn PH chịu án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] “Hợp đồng tín dụng, kèm Hợp đồng thế chấp tài sản, kèm Khế ước nhận nợ” số HD011806200228C ngày 18/6/2020 ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Vinh H có mục đích vay tiền để phục vụ tiêu dùng. Do đó cần xác định đây là vụ án tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn ông Nguyễn Vinh H có nơi cư trú tại thị xã Bến Cát, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải và tiếp cận chứng cứ, xét xử tuy nhiên ông H không có mặt, cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử án căn cứ những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét hợp đồng tín dụng số HD011806200228C ký kết ngày 18/6/2020 giữa Ngân hàng và ông H thì thấy:

Hợp đồng số HD011806200228C ký kết ngày 18/6/2020 được lập thành văn bản, ký kết trên tinh thần tự nguyện, các đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó đủ điều kiện để xác định là hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hợp đồng số HD011806200228C ký kết ngày 18/6/2020 giữa Ngân hàng và ông H mục đích để ông H vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, hai bên thỏa thuận chuyển thu nhập phát sinh từ lương hưu, trợ cấp do BHXH chi trả về Tài khoản của ông H mở tại Ngân Hàng TMCP B để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tuy nhiên ông H đã vi phạm thỏa thuận, chuyển đổi hình thức nhận lương qua Ngân hàng khác, cũng không thanh toán nợ cho Ngân hàng bằng bất kỳ hình thức nào khác, dẫn đến nợ quá hạn từ tháng 12/2020. Do ông H vi phạm hợp đồng nên việc Ngân hàng chấm dứt hợp đồng tín dụng và yêu cầu ông H pH thanh toán nợ gốc, lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết là có căn cứ. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn, buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 153.455.788 đồng, gồm nợ gốc là 137.499.968đ, lãi quá hạn là 13.803.325đ, lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.152.495đ. Đồng thời kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/12/2021) ông Vinh còn phải thanh toán lãi phát sinh trong hợp đồng tín

dụng cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2.3] Ngân hàng có đơn xin rút đổi với yêu cầu “Phạt chậm lãi” nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phạt chậm lãi là có cơ sở.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 7.672.789đ (153.455.788 đồng x 5%). Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn PH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 7.672.789đ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nguyên đơn đã thực hiện tạm ứng án phí nên cần hoàn lại cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 117, khoản 4 Điều 422; Điều 428; Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468; Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Vinh H.

Ông Nguyễn Vinh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 30/12/2021 là 153.455.788 đồng, gồm nợ gốc là 137.499.968đ, lãi quá hạn là 13.803.325đ, lãi trên nợ gốc quá hạn là 2.152.495đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/12/2021) ông Nguyễn Vinh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD011806200228C ký kết ngày 18/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B, về việc yêu cầu ông Nguyễn Vinh H trả phạt chậm lãi số tiền 89.251 đồng.

3. Ông Nguyễn Vinh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 7.672.789đ (bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.573.355đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0057199 ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Ngân hàng TMCP B được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được cấp tổng đạt theo quy định.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. Bến Cát;
- CC.THADS Tx. Bến Cát;
- TANDT. Bình Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Nga**

